

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH ĐẠI
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 51/2025/DS-ST

Ngày: 18/4/2025.

Vv “*Tranh chấp hợp đồng mua bán*”.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH ĐẠI, TỈNH BẾN TRE**

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Tùng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Hiếu

Ông Trần Thanh Hòa

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Trần Duy Thức – Thư ký Tòa án.

Ngày 18 tháng 4 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Đại tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 275/2024/TLST – DS ngày 18 tháng 7 năm 2024 về tranh chấp “*Tranh chấp hợp đồng mua bán*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2025/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 01 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 35/2025/QĐST-DS ngày 18 tháng 2 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 45/2025/QĐST-DS ngày 18 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

*** *Nguyên đơn:*** Công ty P.

Đại chỉ: Ấp 4, xã B, huyện B, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ph, Sinh ngày 15/01/1973.

Chức danh: Giám đốc Công ty P.

Địa chỉ thường trú: 151/1 Ấp 1, xã S, thành phố B, tỉnh Bến Tre. (Xin vắng mặt).

*** *Bị đơn:*** ông V, sinh ngày: 15/12/1971 (Chủ Đại lý A) (Vắng mặt).

Và vợ là bà T, sinh ngày: 18/03/1979 (Vắng mặt).

Cùng địa chỉ: ấp 1, xã B, huyện B, tỉnh Bến Tre

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện ngày 09/5/2024 và đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 10/4/2025, phía nguyên đơn trình bày:*

Từ 17/09/2019, Nguyên đơn có bán thức ăn tôm cho ông V và bà T. Quá trình mua bán có thực hiện đầy đủ việc giao nhận hàng.

Sau khi đến hạn thanh toán tháng 02/2024, ông V và bà T còn nợ lại nguyên đơn số tiền 160.701.208 đồng, nhưng ông V và bà T không thanh toán số trên, nguyên đơn đã bắt đầu tính lãi cho khách hàng không thanh toán nợ từ năm 2021, số tiền lãi tính từ tháng 01/2021 đến tháng 02/2024 là 35.425.001 đồng (*Lãi suất tính năm 2021: 8.5%/năm, 2022: 9.5%/năm, 2023: 13.5%/năm, 2024: 10%/năm*). Tổng số tiền ông Việt và bà Tuyết còn nợ lại nguyên đơn đến ngày 29/02/2024 là 160.701.208 (*Một trăm sáu mươi triệu, bảy trăm lẻ một ngàn, hai trăm lẻ tám*) đồng.

Nhiều lần nguyên đơn điện thoại và đến tận nhà để nhắc nhở việc thanh toán công nợ cho nguyên đơn, nhưng ông Việt và bà Tuyết cứ hứa hẹn mà không chịu thanh toán.

Nay, nguyên đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Bình Đại ông V và bà T liên đới trả cho nguyên đơn số tiền tính đến ngày 09/5/2024 là: 160.701.208 đồng (trong đó tiền gốc là: 125.276.207 đồng, số tiền lãi là: 35.425.001 đồng) và yêu cầu tính lãi suất chậm trả theo quy định pháp luật từ ngày 09/5/2024 đến khi trả tất nợ trên số tiền nợ gốc.

** Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như xét xử ông V và bà T đều vắng mặt không có lý do.*

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn có xin vắng mặt, bị đơn đã được triệu tập nhiều lần đến Tòa để giải quyết vụ án cũng như xét xử vụ án nhưng bị đơn đều vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án: Vào ngày 01/01/2020, giữa Công ty P và ông V có ký hợp đồng mua bán thức ăn và thuốc nuôi tôm. Tại đơn khởi ngày 09/5/2024, nguyên đơn yêu cầu ông V và bà T phải trả cho nguyên đơn số tiền tính đến ngày 09/5/2024 là: 160.701.208 đồng (trong đó tiền gốc là: 125.276.207 đồng, số tiền lãi là: 35.425.001 đồng).

Tòa án đã ban hành các văn bản tố tụng, thông báo cho ông V và bà T đến Tòa án để giải quyết vụ án nhưng ông Việt và bà Tuyết không đến Tòa. Việc ông Việt, bà Tuyết không đến Tòa án để giải quyết vụ án cũng như đưa ra những tài liệu, chứng cứ để chứng minh việc ông bà không nợ tiền của nguyên đơn là đã tự từ bỏ quyền bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình. Do đó, Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ nguyên đơn giao nộp gồm các bảng đối chiếu công nợ chi tiết hàng tháng từ tháng 02/2021 đến tháng 02/2024 có chữ ký, chữ viết của khách hàng là ông V, bà T có thể hiện ông V, bà T còn nợ số tiền gốc 125.276.207 đồng và số tiền lãi tính đến ngày 09/5/2024 là 35.425.001 đồng. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, giữa các bên có thỏa thuận lãi suất từng năm như: năm 2020 là 8,5%năm, năm 2021 là 9,3%năm, năm 2022 là 13,5%năm, năm 2023 là 10%năm và ông Việt, bà Tuyết có ký vào bảng đối chiếu công nợ. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở nên được HĐXX chấp nhận.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên ông V, bà T phải liên đới nộp tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 147, 227, 228, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 288, 430, 431, 440 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ vào Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty P đối với ông V, bà T.

Buộc ông V, bà T phải liên đới trả cho Công ty P số tiền 160.701.208 (Một trăm sáu mươi triệu bảy trăm lẻ một nghìn hai trăm lẻ tám) đồng. Trong đó tiền gốc là: 125.276.207 (Một trăm hai mươi lăm triệu hai trăm bảy mươi sáu

ngàn hai trăm lẻ bảy) đồng, số tiền lãi là: 35.425.001 (Ba mươi lăm triệu bốn trăm hai mươi lăm ngàn không trăm lẻ một) đồng.

Buộc Ông V, bà T phải trả khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự kể từ ngày 10/4/2024 cho đến khi trả hết nợ cho Công ty P.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

- Buộc ông V, bà T phải liên đới trả nộp số tiền án phí 8.035.000 (Tám triệu không trăm ba mươi lăm ngàn) đồng.

- Hoàn trả cho Công ty P số tiền tạm ứng án phí 4.017.530 (Bốn triệu không trăm mười bảy ngàn năm trăm ba mươi) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001961 ngày 18/7/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Đại.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7 b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Bình Đại;
- Chi cục THA huyện Bình Đại;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Thanh Tùng